

NGHIÊN CỨU VỀ PHONG TRÀO PHỤC HỒI ĐỨC TIN DƯỚI QUAN ĐIỂM KINH TẾ HỌC

RA YOUNG HWAN^(*)

1. Đặt vấn đề

Mục đích của bài viết này nhằm nghiên cứu phong trào Phục hồi Đức tin diễn ra 100 năm trước dựa trên quan điểm kinh tế học. Các công trình nghiên cứu về chủ đề này trước đây tuy rất đa dạng nhưng chủ yếu nghiên cứu dựa trên quan điểm sự giác ngộ tinh thần hoặc quan điểm phục hưng⁽¹⁾. Rất nhiều nhà nghiên cứu lịch sử Hội Thánh đã nhấn mạnh vào vai trò và ảnh hưởng của phong trào Phục hồi Đức tin đối với nhà thờ và Hội thánh Hàn Quốc, nhưng những nghiên cứu về phong trào này dựa trên các quan điểm về chính trị, kinh tế, xã hội và thần học vẫn còn chưa đầy đủ. Nghiên cứu này nhằm bổ sung một phần thiếu sót trên. Liên quan đến nội dung của bài nghiên cứu, những điểm mà chúng ta cần phải chú ý đó là trong thời kì đầu phát triển của đạo Tin Lành, tầng lớp trung lưu tự do, xuất thân từ vùng Tây Bắc là tầng lớp đầu tiên tiếp nhận đạo Tin Lành. Thứ hai, vùng Tây Bắc, nơi phong trào Phục hồi Đức tin xuất hiện, là vùng thương nghiệp rất phát triển⁽²⁾. Điều này là một luận cứ quan trọng cho luận điểm của bài nghiên cứu. Mặc dù rất nhiều nghiên cứu trước đây cũng chỉ ra tầng lớp đầu tiên tiếp

nhận đạo Tin Lành là tầng lớp trung lưu tự do, nhưng các nghiên cứu đó vẫn chưa dành sự quan tâm đúng mức cho mối quan hệ giữa đặc trưng giai cấp, đặc trưng khu vực của tầng lớp đó và sự hình thành của đạo Tin Lành.

*. TS., Khoa Tổ chức thần học, Trường Sau đại học Tin Lành.

1. Vào 5/2005. Đại học Thần học Hội Trưởng lão đã mở cuộc hội thảo khoa học quốc tế với chủ đề “Phong trào Phục hồi Đức tin Tin Lành và phong trào Đại thức tỉnh ở Bình Nhưỡng trong thế kỉ XX”. Hội thảo này đã chỉ ra mối tương quan giữa phong trào Phục hồi Đức tin ở Bình Nhưỡng và phong trào Phục hồi Đức tin Tin Lành trong thế kỉ XX, tuy nhiên điểm đáng tiếc là đã không thể chỉ ra ảnh hưởng của phong trào Đại thức tỉnh ở Bình Nhưỡng đối với xã hội Hàn Quốc. Điều này không cho thấy được sự khác biệt với những nghiên cứu và tri thức trước đây về phong trào Phục hồi Đức tin ở Bình Nhưỡng. Năm 2004, Park Yong Gyu xuất bản cuốn *Lịch sử Hội Thánh Tin Lành Hàn Quốc* với nỗ lực cung cấp những hiểu biết đúng đắn về phong trào Phục hồi Đức tin ở Bình Nhưỡng trước đây. Tuy nhiên, cuốn sách đã không đề cập đến những ảnh hưởng sâu rộng của phong trào này trên các phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và thần học.

2. Thuật ngữ “tầng lớp trung lưu tự do” được sử dụng trong bài viết này là do ông Park Yong Gyu dẫn của ông William M. Baird và sử dụng trong sách *Lịch sử Hội thánh Tin Lành Hàn Quốc*. Tuy nhiên, đáng tiếc là người viết không phát hiện được dụng ý của tác giả khi sử dụng thuật ngữ này. Mặc dầu vậy, người viết cho rằng thuật ngữ này đã thể hiện được những đặc trưng của tầng lớp tiếp nhận đạo Tin Lành, nên đã sử dụng thuật ngữ trên cho bài nghiên cứu này. Trong khuôn khổ bài nghiên cứu này, người viết định nghĩa ‘tầng lớp trung lưu tự do’ có nghĩa là những người trở nên khá giả thông qua các hoạt động thương nghiệp, bất kể vị trí xã hội của người đó.

Dựa vào thực tế trên, bài nghiên cứu có mục đích tìm hiểu sâu hơn về vai trò của các tầng lớp trung lưu tự do đối với quá trình tiếp nhận đạo Tin Lành, đồng thời tìm hiểu sâu hơn về tầm quan trọng mang tính địa chính trị của Bình Nhưỡng, nơi khởi nguồn của phong trào Phục hồi Đức tin được tiến hành từ năm 1907. Qua đó phát hiện đặc trưng giai cấp và đặc trưng khu vực của tầng lớp trung lưu, tầng lớp đã tiếp nhận đạo Tin Lành trong thời kì đầu một cách tự phát, có ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển của đạo Tin Lành tại Hàn Quốc. Ngoài ra, bài nghiên cứu cũng chỉ ra ý nghĩa quan trọng của việc nghiên cứu các hoạt động của tầng lớp thương nhân theo đạo Tin Lành đặt trung tâm ở vùng Tây Bắc, trong bối cảnh tình hình chính trị đầy biến động trên bán đảo Triều Tiên đầu thế kỉ XX trên quan điểm kinh tế học. Đặc biệt, bài nghiên cứu cũng tìm hiểu về đạo đức kinh tế của tầng lớp trung lưu tự do, tầng lớp tiếp nhận đạo Tin Lành một cách tự phát trong thời kì đầu, thông qua các hoạt động kinh tế, xã hội của Nam Cương Lý Thăng Huân. Trong tình thế bán đảo Triều Tiên đặt dưới sự thống trị của đế quốc Nhật Bản, Nam Cương Lý Thăng Huân, thông qua các hoạt động như thành lập trường học Ngũ Sơn, hay thành lập Tân Dân Hội, là một bản mẫu giúp chúng ta tìm hiểu về quan điểm kinh tế học của người theo đạo Tin Lành đương thời và nhận thức của họ về quốc gia. Trong bối cảnh hiện nay, có nhiều phê phán cho rằng, Hội Thánh Hàn Quốc không đảm nhận tốt chức năng công ích đối với xã hội. Nghiên cứu về phong trào Phục hồi Đức tin ở Bình Nhưỡng năm 1907 dựa trên

quan điểm kinh tế học có ý nghĩa quan trọng trong việc kiểm tra phương hướng phát triển của Hội Thánh Hàn Quốc.

2. Đặc trưng giai cấp trong quá trình tiếp nhận đạo Tin Lành và ảnh hưởng của nó tới phong trào Phục hồi Đức tin

Trong số những luận điểm liên quan đến quá trình truyền bá đạo Tin Lành vào bán đảo Triều Tiên, có một điểm đáng chú ý là phần lớn những người tiếp nhận đạo Tin Lành trong thời kì đầu là thương nhân. Tín đồ Tin Lành đầu tiên là ông Lý Ứng Tán, một thương nhân buôn bán dược liệu khi gặp nhà truyền giáo John Ross (1841-1915) lần đầu tiên năm 1874, và trở thành thầy giáo dạy tiếng cho Ross trước khi trở thành tín đồ. Năm sau đó 1875, Bạch Hồng Tuấn, Lý Thành Hạ, Kim Trấn Cơ, các thương nhân có xuất thân là quý tộc đã sa sút, theo sự giới thiệu của Lý Ứng Tán đã giúp đỡ nhà truyền giáo Ross trong việc dịch Kinh Thánh và đến năm 1879 thì nhận lễ rửa tội và trở thành tín đồ đạo Tin Lành⁽³⁾. Tín đồ thứ năm, Từ Tương Luân, cũng xuất thân từ thương nhân, trên đường đến Mãn Châu để buôn hồng sâm đã mắc bệnh thương hàn, được sự chăm sóc và giúp đỡ của Ross và John McIntyre (1837-1905), đã trở thành tín đồ Tin Lành⁽⁴⁾. Sau này, những người này đã

3. Theo United Presbyterian Missionary Record (October 1st, 1980); dẫn theo Park Yong Gyu, *Lịch sử Hội Thánh Tin Lành Hàn Quốc*, tr. 299.

4. Park Yong Gyu. *Lịch sử Hội Thánh Tin Lành Hàn Quốc*, tr. 362. Từ Tương Luân, người được Ross làm lễ báp tem năm 1879 đã đến Bongcheon để giúp đỡ Ross và tham gia vào công việc dịch và xuất bản Kinh Thánh. Sau đó, ông ta đến vùng Sorac, thuộc Hwnaghac-do và thành lập nên nhà thờ đầu tiên của Hàn Quốc vào năm 1883. Kim Yong Jae, *Lịch sử Nhà thờ Hàn Quốc*, Seoul: Hiệp hội thực hiện chủ nghĩa cải cách, 1992, tr. 65.

trở thành khuyến thư nhân và trở về phổ biến Kinh Thánh tại quê nhà. Như vậy, trước khi các nhà truyền giáo Phương Tây đặt chân lên bán đảo Triều Tiên, hoạt động truyền bá Phúc Âm tại đây đã được thực hiện bởi chính người Triều Tiên. Điểm đáng chú ý là những nhà thờ đầu tiên được thành lập tại Hàn Quốc, bao gồm nhà thờ Sorae ở Hwanghae-do, nhà thờ người Hàn ở khu người Hàn vùng Seogan-do, nhà thờ Uijoo ở Uijoo, lần lượt đều được thành lập dưới sự dẫn dắt của Từ Tương Luân, Kim Chung-song, và Bạch Hồng Tuấn.

Như đã đề cập ở trên, điểm độc đáo của quá trình truyền bá đạo Tin Lành vào Hàn Quốc là sách Kinh Thánh được phổ biến trước khi nhà truyền giáo đến. Các thương nhân xuất thân từ vùng Tây Bắc có vai trò rất lớn trong việc này. Tìm hiểu vai trò của các thương nhân xuất thân từ vùng Tây Bắc đối với việc thành lập các nhà thờ tại Hàn Quốc là tiền đề để tìm hiểu về tính đặc thù của Hội Thánh Tin Lành tại Hàn Quốc. Báo cáo của Robert E. Speer (1867-1947) đề năm 1897 cho biết chưa từng thấy ở nơi nào khác trên thế giới có tốc độ truyền bá Phúc Âm nhanh chóng như tại vùng Tây Bắc bán đảo Triều Tiên⁽⁵⁾. Phát hiện của Underwood⁽⁶⁾ chỉ ra thời đại đổi mới của đạo Tin Lành tại vùng Tây Bắc, mà chủ yếu diễn ra tại các khu vực Bình Nhưỡng, Thiện Xuyên, Uijoo trong những năm 1901, 1902 đã đặt ra một câu hỏi như sau: Điều gì khiến cho giáo đoàn phát triển mạnh mẽ như vậy tại vùng Tây Bắc? Tất nhiên, có thể đề cập đến nhiều yếu tố, tuy nhiên trong phạm vi bài nghiên cứu này, người viết nhấn mạnh vào hai điểm: (1) phần lớn tầng lớp

tiếp nhận đạo Tin Lành trong thời kì đầu phát triển là thương nhân và (2) phần lớn những thương nhân này xuất thân từ vùng Tây Bắc. Phần tiếp theo của bài nghiên cứu sẽ chỉ ra đặc trưng giai cấp và đặc trưng khu vực của những người tiếp nhận đạo Tin Lành một cách tự phát trong thời kì đầu là một trong những yếu tố quan trọng không chỉ đối với quá trình tiếp nhận mà còn đối với quá trình mở rộng và thiết lập đạo Tin Lành tại Hàn Quốc trong thời kì đầu. Đặc biệt trong tình hình đế quốc Nhật triển khai bóc lột triệt để bán đảo Triều Tiên, những thương nhân vùng Tây Bắc đóng vai trò to lớn trong quá trình đấu tranh khôi phục chủ quyền dân tộc⁽⁷⁾. Điều này là một yếu tố quan trọng giúp đạo Tin Lành trong một thời gian ngắn có thể phát triển và bám sâu vào đời sống tinh thần của người dân Hàn Quốc.

Việc tầng lớp thương nhân là những người đầu tiên tiếp nhận đạo Tin Lành thời kì đầu và những người này chủ yếu xuất thân từ vùng Tây Bắc có một ý nghĩa quan trọng. Để hiểu rõ hơn về mối

5. *Annual Report - The Korea Mission*, PCUSA, tr. 158; dẫn theo Park Yong Gyu. *Lịch sử Hội Thánh Tin Lành Hàn Quốc*, tr. 818.

6. L. H. Underwood. *Fifteen Years Among the Top-Knots or Life in Korea*, New York: American Trust Society, 1904, pp. 232-236.

7. Đặc biệt, có thể coi Nam Cương Lý Thăng Huân là một hình mẫu tiêu biểu để tìm hiểu về đạo đức kinh tế của cộng đồng tín hữu Tin Lành Hàn Quốc thời kì này. Ông xuất thân từ tầng lớp trung lưu tự do vùng Tây Bắc và là người hết lòng lo lắng cho vận nước. Dưới sự bóc lột nặng nề của đế quốc Nhật Bản đương thời, ông cùng nhiều thương nhân vùng Tây Bắc đã tích cực đảm đương nghĩa vụ của một người tín hữu Tin Lành đối với đất nước. Những hoạt động của ông đã cho thấy quan điểm lịch sử và đạo đức kinh tế của những thương nhân theo đạo Tin Lành thời điểm đó. Phần tiếp của bài nghiên cứu này sẽ trình bày cụ thể hơn về luận điểm này.

tương quan giữa đặc trưng giai cấp và đặc trưng khu vực của tầng lớp tiếp nhận đạo Tin Lành một cách tự phát trong thời kì đầu, chúng ta cần phải hiểu rõ những đặc trưng của khu vực Tây Bắc. Thuật ngữ vùng Tây Bắc là để chỉ toàn bộ khu vực Bình Nhưỡng (nay là tỉnh Bắc Bình Nhưỡng và Nam Bình Nhưỡng) và khu vực Hwanghae-do. Đây là khu vực trọng yếu liên kết bán đảo Triều Tiên và Trung Quốc, đóng vai trò tiếp nhận văn hoá Trung Quốc. Khu vực này đồng thời luôn trở thành trung tâm chiến loạn mỗi khi xảy ra xung đột giữa Trung Quốc và bán đảo Triều Tiên. Seo Jeong Min cho rằng chính những đặc điểm khu vực này đã tạo nên tinh thần tự lực cánh sinh và luôn đi đầu của người dân vùng Tây Bắc nơi đây⁽⁸⁾. Jeon Gyeom Do cũng đã tìm thấy nguyên nhân của tính tự lực tự cường của người dân Tây Bắc là do sự phân biệt đối xử của triều đình Chosun đối với sĩ phu Tây Bắc. Giống như sự phân chia trong tầng lớp sĩ phu triều Chosun, chủ yếu gồm hai phái là Lĩnh Nam học phái và Kì Hồ học phái, sự phân biệt đối xử với những người vùng Tây Bắc là nguyên nhân gây ra sự tranh giành chính quyền. Những sĩ phu Tây Bắc dù có đạt được điểm số cao trong kì thi khoa cử cũng không thể đạt được vị trí cao trong quan trường. Điều này dẫn đến sự suy giảm số lượng các quý tộc ở khu vực này vào cuối thời Chosun. Theo kết quả điều tra số lượng quý tộc phân theo khu vực của Tổng đốc phủ Chosun vào năm 1910, số lượng quý tộc thời điểm đó chiếm 26,3% dân số. Tuy nhiên, điều thú vị là số lượng quý tộc phân theo khu vực như sau: Chungcheoung-do chiếm 14,8%, Gyoungsang-do là 4,2%, khu vực

kinh đô chiếm 2,8%, Jeolla-do chiếm 1,5%, Hamgyung-do chiếm 1,2%, Gangwon-do chiếm 1,2%, ngược lại khu vực Hwanghae-do và Bình Nhưỡng thuộc vùng Tây Bắc số lượng quý tộc chỉ chiếm 0,3%⁽⁹⁾. Tiến sĩ Lee Hun Jong chỉ ra sự phân biệt đối xử đối với sĩ phu Tây Bắc là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến cuộc phản loạn của Hồng Cảnh Lai⁽¹⁰⁾. “Cho dù có chăm chỉ học hành cả trăm năm, sĩ phu Bình Nhưỡng cũng không có khả năng tiến thân vào quan trường”. Những lời của Hồng Cảnh Lai trên đây đã nói thay tâm tình của sĩ phu Tây Bắc lúc đó⁽¹¹⁾.

Sự phân biệt đối xử của triều Chosun đã mang lại sự thay đổi về mặt nhận thức cho sĩ phu Tây Bắc. Thứ nhất, tại vùng Tây Bắc, khác với các địa phương khác của bán đảo Triều Tiên, thái độ miệt thị và khinh bỉ đối với thương nghiệp, điều vốn dĩ rất phổ biến trong hệ tư tưởng Nho giáo, không nhiều. Do cách xa chính quyền trung ương, các thế lực quý tộc khu vực này tìm cách để tham gia vào thương nghiệp, thậm chí họ cũng dành nhiều tham vọng vào việc đầu tư kinh doanh khoáng sản, một lĩnh vực đòi

8. Seo Jeong Min. *Khái quát lịch sử đạo Tin Lành vùng Bình Nhưỡng*, Phòng Nghiên cứu Lịch sử đạo Tin Lành Hàn Quốc biên tập, ‘*Lịch sử và đạo Tin Lành Hàn Quốc*’, số 3, Nxb. Cơ Đốc giáo, Seoul, 1994, tr. 8.

9. *Thống kê hàng năm (1908-1913)*, Gyoungseong: Tổng đốc phủ Chosun, 1915, tr. 499; Jeon Gyeom Do trích dẫn trong *Quá trình truyền bá đạo Tin Lành và ảnh hưởng của nó tới sự hình thành chủ nghĩa tư bản cận đại và các hoạt động kinh tế ở Hàn Quốc*, Luận văn Thạc sĩ, Trường sau đại học Thần học Tổng hợp ĐH Yonsei, Seoul, 1996, tr. 32.

10. Lee Hun Jong. *Lịch sử Hàn Quốc*, Nxb. Daewang, Seoul, 1983, tr. 345.

11. Kim Seok Ho. *Lịch sử nhân vật Hàn Quốc*, Quyển 4, Nxb. Bakwoo, Seoul, 1963, tr. 239.

hỏi nguồn vốn đầu tư lớn. Bởi vì rất hiếm danh gia vọng tộc, cho nên có rất nhiều tân thế lực xuất hiện thông qua tích lũy của cải bằng con đường thương nghiệp⁽¹²⁾. Thứ hai, sự phân biệt đối xử của chính quyền trung ương khiến người dân khu vực này chuyển sự chú ý sang hệ tư tưởng mới có thể thay thế thể chế cũ. Loạn Hồng Cảnh Lai (1811) vào cuối thời Chosun đã cho thấy sự mất lòng tin của người dân Tây Bắc đối với xã hội Chosun truyền thống lấy quý tộc làm trung tâm. Họ mơ đến một xã hội thị dân hiện đại, thay thế cho thể chế cũ. Nhu cầu của họ đã gặp gỡ và nảy mầm dưới tư tưởng bình đẳng bác ái của đạo Tin Lành. Đây chính là lí do khiến khu vực này tiếp nhận đạo Tin Lành tích cực hơn hẳn các vùng khác.

Ngoài những đặc trưng giai cấp và đặc trưng khu vực, đặc trưng địa - chính trị của khu vực Tây Bắc cũng có ảnh hưởng nhất định tới sự phát triển của Hội Thánh Tin Lành ở khu vực này. Đối với người dân nơi đây, đạo Tin Lành không chỉ đại diện cho tư tưởng mới thay thế hệ tư tưởng cũ, mà còn mang đến cho họ một nơi trú chân cả về thể chất lẫn tinh thần khi khu vực này bị tàn phá nặng nề sau chiến tranh Thanh - Nhật (1894-1895) và chiến tranh Nga - Nhật (1904-1905)⁽¹³⁾. Kết quả là những năm 1900 đã cho thấy sự khác biệt rõ rệt trong xu thế phát triển nhanh chóng của Hội Thánh tại khu vực Tây Bắc so với các địa phương khác. Theo báo cáo của Horace N. Allen, tại vùng Bình Nhưỡng, từ chỗ chỉ có 52 tín đồ vào năm 1894 thì đến năm 1904 đã tăng đột biến lên đến 10.000⁽¹⁴⁾.

Như đã đề cập ở trên, nguyên nhân của sự gia tăng nhanh chóng của đạo Tin

Lành tại khu vực Tây Bắc là nhờ vào những đặc trưng về mặt chính trị và sản phẩm của nó là đặc trưng giai cấp của khu vực này.

Vào cuối thời Chosun chứng kiến sự suy thoái của chế độ thân phận mang tính phong kiến trung đại. Tuy nhiên, điểm đáng chú ý là sự sụp đổ của chế độ phong kiến tại khu vực Tây Bắc diễn ra với tốc độ nhanh hơn rất nhiều so với các địa phương khác. Điều đó trước hết là do sự phân biệt đối xử của chính quyền trung ương đối với sĩ phu Tây Bắc. Sự phân biệt này dẫn đến sự suy giảm nhanh chóng số lượng các quý tộc tại vùng này, đồng thời dẫn theo xu thế là nếu không tích lũy của cải và trở nên giàu có thông qua các hoạt động thương nghiệp, thì quý tộc ở đây cũng không nhận được những sự đãi ngộ tích cực. Đặc biệt, ở khu vực này thường xuyên

12. Jo Ki Joon. *Hoạt động doanh nghiệp của ông Nam Cương Lý Thăng Huân*, Quỹ văn hóa Nam Cương (biên tập), *Nam Cương Lý Thăng Huân và phong trào giải phóng dân tộc*, Nxb. Quỹ văn hóa Nam Cương, 1988, Seoul, tr. 57.

13. Địa điểm diễn ra cuộc chiến tranh Thanh - Nhật và Nga - Nhật chủ yếu tại vùng Tây Bắc. Chiến tranh đã để lại nơi đây những tổn thất sâu sắc. Những tổn thất và tàn phá bởi chiến tranh đã mở ra kỉ nguyên mới cho việc truyền bá Phúc Âm nhờ vào những nỗ lực của các nhà truyền giáo và sự bảo hộ của Hội Thánh có thể tìm thấy qua sự nghiệp của Tiến sĩ William James Hall tại Bình Nhưỡng thời điểm cuộc chiến tranh Thanh-Nhật nổ ra. Về sự nghiệp của Tiến sĩ William James Hall, xin xem thêm Sherwood Hall, *Hồi kí về Triều Tiên của Tiến sĩ Hall*, Hạt giống tốt, Seoul, 2003. Roy E. Shearer cho rằng sự cống hiến cần thiết của Tiến sĩ Hall đã tạo điều kiện cho sự phát triển nhanh chóng của đạo Tin Lành tại Bình Nhưỡng. Xem: Roy E. Shearer, *Wildfire, Church Growth in Korea*, Grand Rapids, Michigan: Eedmans, 1996, tr. 49-50.

14. Horace N. Allen. *Things Korean: A Collection of Sketches and Anecdotes Missionary and Diplomatic*, Fleming H. Revell Co., New York, 1908, tr. 171.

xảy ra hiện tượng người có xuất thân thấp kém có thể sử dụng tiền bạc để mua quan tước⁽¹⁵⁾. Do đó, thương nghiệp trở thành phương tiện duy nhất của người dân vùng này để tích lũy của cải. Có lẽ đây chính là lí do cho hiện tượng mà Lee Gwang Lin đã chỉ ra, đó là ở vùng Tây Bắc số lượng thương nhân còn nhiều hơn cả số nông dân và người dân cũng có xu hướng ưu tiên tham gia các hoạt động thương nghiệp hơn⁽¹⁶⁾. Thương nhân ở vùng Tây Bắc, do những đặc điểm địa - chính trị này, thường xuyên có những hoạt động giao lưu với Trung Quốc và như thế có thể tiếp xúc một cách tự nhiên với các luồng tư tưởng mới. Điều này giải thích vì sao trong số các nhà lãnh đạo Tin Lành thời kì đầu, có một số lượng đáng kể là thương nhân. Lý Ứng Tán là thương nhân buôn bán dược liệu Đông y, Từ Tương Luân là thương nhân buôn bán hồng sâm, Lee Soo Jeoung là thương nhân buôn bán nhân sâm, Han Seok Jin buôn bán nhân sâm và nhung hươu, Kil Seon Joo buôn bán dược liệu, Lý Thăng Huân buôn bán chén bát bằng đồng thau, Jo Man Sik buôn bán vải vóc ở Jongro, Bình Nhưỡng⁽¹⁷⁾. Hiện tượng tầng lớp trung lưu tự do mang tư tưởng cấp tiến cận hiện đại chứ không phải tầng lớp quan liêu bảo thủ là những người đầu tiên tiếp nhận đạo Tin Lành mang một ý nghĩa rất quan trọng. Tầng lớp trung lưu tự do mang trong mình những bất mãn đối với sự phân biệt đối xử của chính quyền trung ương và tìm thấy ở đạo Tin Lành một hệ thống xã hội mới thay thế cho Nho giáo, và đã tích cực tiếp nhận tôn giáo này. Lee Gwang Lin cho rằng đặc trưng giai cấp của khu vực này là nguyên nhân dẫn đến sự tiếp

nhận đạo Tin Lành rất tích cực và là tiền đề cho sự phát triển vượt bậc so với các khu vực khác⁽¹⁸⁾.

3. Phong trào Phục hồi Đức tin và ảnh hưởng của nó tới đạo đức kinh tế của tín đồ Tin Lành: đạo đức kinh tế của tín đồ Tin Lành trong giai đoạn 1907-1930 qua quan điểm của Nam Cương Lý Thăng Huân

Vai trò của Nam Cương Lý Thăng Huân đối với chủ đề của bài nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng. Trước hết, ông là một thương nhân tự do, xuất thân ở vùng Tây Bắc. Đặc điểm này là yếu tố quan trọng trong việc tìm hiểu quan điểm tín ngưỡng và đạo đức kinh tế của ông. Tìm hiểu sâu hơn về quá trình tiếp nhận đạo Tin Lành của ông có thể thấy được nhiều điểm tương đồng trong quan điểm của ông và tầng lớp trung lưu tự do đã tiếp nhận đạo Tin Lành một cách tự phát tại thời kì đầu. Ông Lý Thăng Huân sinh năm 1864, trong thời kì Cựu Hàn Mạt, một giai đoạn lịch sử đầy biến động, chứng kiến sự suy thoái và sụp đổ của chế độ quý tộc đã tồn tại cùng với lịch sử 500 năm của triều đại Chosun, triều đình đã buộc phải thực hiện chính sách mở cửa dưới áp lực của Tây Âu và các thế lực

15. Jo Ki Joon. *Hoạt động doanh nghiệp của ông Nam Cương Lý Thăng Huân, Nam Cương Lý Thăng Huân và phong trào giải phóng dân tộc*, tr. 57. Thời đó, quan tước mà triều đình bán cho thường dân gọi là Tá hàm. Tá hàm có nghĩa là chức vụ chỉ có trên danh nghĩa. Vào cuối thời Chosun, quan tước mà người vùng Tây Bắc bỏ tiền ra mua chủ yếu không phải là chức tước thật mà chỉ là Tá hàm.

16. . Lee Gwang Lin. *Nghiên cứu tư tưởng khai hóa ở Hàn Quốc*, Il-jo-gak, Seoul, 1989, tr. 245-247.

17. Park Yong Gyu. *Lịch sử Hội thánh Tin Lành Hàn Quốc*, sđd, tr. 819.

18. Lee Gwang Lin. *Nghiên cứu tư tưởng khai hóa ở Hàn Quốc*, sđd, tr.43.

ngoại bang. Khu vực Tây Bắc nơi ông sinh ra là nơi giai cấp thương nhân mới phát triển nhanh chóng thay thế cho giai cấp quý tộc đã suy giảm mạnh do sự phân biệt đối xử của triều đình.

Như đã đề cập đến ở phần trước, đặc trưng giai cấp của khu vực Tây Bắc đã tạo điều kiện để đạo Tin Lành được tiếp nhận và nhanh chóng phát triển, đồng thời tạo tiền đề để xây dựng chế độ xã hội mới thay thế cho thể chế xã hội cũ. Theo tài liệu cho biết, tính đến năm 1898, có 73 nhà thờ tại khu vực Bình Nhưỡng và 51 nhà thờ tại khu vực Hwanghae-do được xây dựng⁽¹⁹⁾. Đặc biệt, năm 1899, nhà truyền giáo N. C. Whitmore đã thành lập Ban Truyền giáo tại Thiện Xuyên. Tất cả những hoạt động trên càng thúc đẩy hơn nữa hoạt động truyền bá Phúc Âm. Ban Truyền giáo được thành lập tại Seoncheon đã có ảnh hưởng mạnh mẽ tới hoạt động truyền giáo tại Jeongjoo. Nhà thờ tại Jeongjoo được thành lập vào năm 1899, các nhà thờ Yeombang và Gwaksan được thành lập ngay sau đó; nhà thờ Chungjeong cũng nối tiếp thành lập vào 1901⁽²⁰⁾. Đặc biệt cần chú ý một điểm, đó là phần lớn các thương nhân ở khu vực này đều là người theo đạo Tin Lành, và một khi nhà thờ mở cửa đón tiếp vào ngày Chủ nhật thì hầu như các chợ đều đóng cửa. Lý Thăng Huân bắt đầu làm công việc của một thương nhân bán dạo và kinh doanh xưởng sản xuất chén bát bằng đồng thau chính vào thời điểm này. Điều này cho thấy ông có sự tiếp xúc với tư tưởng Tin Lành từ rất sớm.

Xem xét các hoạt động của Lý Thăng Huân sau khi tham dự buổi diễn thuyết của Đảo Sơn An Xương Hạo vào năm 1907, như hoạt động của Tân Dân Hội,

hay thành lập trường Ngũ Sơn có thể thấy ông đã tiếp nhận đạo Tin Lành như là một hệ tư tưởng thay thế nhằm mục đích giành chủ quyền đã mất cho dân tộc. Sau khi tiếp nhận đạo Tin Lành, Lý Thăng Huân đã tích cực hoạt động hướng tới hai mục tiêu: (1) Toàn bộ quốc dân có thể nhận được sự giáo dục tiên tiến giống như quý tộc; (2) Bồi dưỡng nền kinh tế tự lực tự cường thoát khỏi sự kìm kẹp của đế quốc Nhật Bản.

Không thể bỏ qua ảnh hưởng của phong trào Phục hồi Đức tin đối với thời đại lúc bấy giờ khi nghiên cứu bối cảnh của những hoạt động của Nam Cương Lý Thăng Huân khi ông tích cực tham gia vào phong trào khôi phục chủ quyền đất nước do Đảo Sơn khởi xướng như gia nhập Tân Dân Hội, thành lập trường Osan. Như Park Yong Gyu đã nhận định, phong trào Phục hồi Đức tin năm 1907 không chỉ dừng lại đơn thuần là một phong trào giác ngộ tinh thần mà còn là một phong trào cải cách xã hội.

Bắt đầu bằng việc loại bỏ những hủ tục và thói hư tật xấu trong xã hội Triều Tiên trước kia, như cờ bạc, đa thê, giảm dần việc thờ cúng tổ tiên, cùng với đó là những ảnh hưởng của đạo Tin Lành trên toàn bộ các lĩnh vực như văn hóa, tôn giáo, kinh tế, xã hội đều được triển khai mạnh mẽ đáng kinh ngạc⁽²¹⁾.

Yoon Gyoung Ro cũng đồng ý với quan điểm trên khi cho rằng phải xem

19. Cha Gae Myoung. *Sử kí Hội Thánh Trưởng lão Hàn Quốc*, Nxb. Đạo Tin Lành Triều Tiên, 1928, Seoul, tr.102.

20. Lee Man Yeoul. *Tín ngưỡng của Nam Cương Lý Thăng Huân, Nam Cương Lý Thăng Huân và phong trào giải phóng dân tộc*, sđd, tr. 296.

21. Park Yong Gyu. *Lịch sử Hội Thánh Hàn Quốc*, sđd, tr. 962.

xét phong trào thanh lọc Hội Thánh và phong trào phục hồi nguyên lý và đạo đức của giáo dân Tin Lành diễn ra trước và sau năm 1910 là kết quả của những ảnh hưởng của phong trào Đại thức tỉnh ở Bình Nhưỡng đối với hoạt động cải cách xã hội⁽²²⁾. Trong bối cảnh đó, Nam Cương đã tìm thấy ở đạo Tin Lành một hệ tư tưởng thay thế.

3.1. Nam Cương Lý Thăng Huân và đạo Tin Lành

Lý Thăng Huân ngay từ khi còn nhỏ đã luôn mong muốn trở thành quý tộc. Mong muốn trở thành quý tộc của ông nhằm xóa đi nỗi đau buồn do áp bức mà quý tộc dành cho những thường dân như ông. Tuy nhiên, khi làm việc chạy vật cho Lim Il Kwon (một thương nhân buôn bán chén bát bằng đồng thau có danh tiếng ở Thanh Đình⁽²³⁾), ông đã phát hiện hiện tượng thương nhân dùng tiền để mua quan chức (nạp thực thụ tước). Vào thời Cự Hàn Mạt có hai hình thức nạp thực thụ tước, một là bỏ tiền ra mua một chức quan thật, và hai là Tả hàm, tức là chức tước trên danh nghĩa. Phần lớn các chức quan mà thương nhân vùng Tây Bắc bỏ tiền ra mua trong thời kì cuối Chosun chủ yếu là theo hình thức Tả hàm này. Ông đã mua chức Tham phụng và thực hiện được ước nguyện trở thành quý tộc⁽²⁴⁾. Vào thời điểm đó, ông vẫn chưa hình thành tư tưởng giải phóng dân tộc hay cải cách xã hội. Đơn giản, ông kiếm tiền với mục đích muốn thoát nghèo và thoát khỏi những áp bức của tầng lớp quý tộc đối với gia đình mình. Nhưng sau đó tư tưởng của ông đã thay đổi. Đó chính là khi ông ý thức được sự xâm lược của các thế lực ngoại bang không chỉ ảnh hưởng tới tình hình chính trị mà còn

có ảnh hưởng lớn lao đến các hoạt động kinh tế trong nước. Khi xưởng bát đĩa bằng đồng thau do ông thành lập phải đối mặt với nguy cơ đóng cửa do sự xâm nhập của công ti gốm sứ Nhật Bản, ông đã nhận thức được sự chuyển mình của nền kinh tế không chịu sự điều khiển của một cá nhân nào mà có mối liên hệ chặt chẽ với sức mạnh của quốc gia⁽²⁵⁾. Tháng 11/1905, Hiệp định bảo hộ Ất Tỵ có ảnh hưởng sâu sắc tới Lý Thăng Huân. Sự kiện này khiến ông gia nhập phong trào giải phóng dân tộc.

Vốn lẽ chưa có ý thức dân tộc, ông chỉ muốn xóa bỏ sự phân cách giữa quý tộc và thường dân, và xóa bỏ sự nghèo khổ đói rách. Điều này cho thấy ông là người theo chủ nghĩa nhân đạo và bình đẳng. Nhưng khi chứng kiến Tổ quốc bị quân Nhật xâm lược và áp bức, dần dần ông nhận ra trong mối quan hệ giữa các dân tộc, có dân tộc quý tộc và dân tộc thường dân, trong mối quan hệ giữa các nước có nước giàu, nước nghèo⁽²⁶⁾. Cuộc gặp gỡ với Đảo Sơn An Xương Hạo năm 1907 ở Bình Nhưỡng đánh dấu một bước ngoặt

22. Yoon Gyoung Ro. *Phán xét tại Hội thánh Trưởng lão Hội năm 1900 và xu hướng kinh tế của giáo dân thời kì đầu sáng lập: nghiên cứu trường hợp nhà thờ Saemoonan*, trong *Lịch sử và Hội thánh Tin Lành*, 1991, tr. 92-95.

23. Jo Ki Joon. *Hoạt động doanh nghiệp của ông Nam Cương Lý Thăng Huân, và Nam Cương Lý Thăng Huân và phong trào giải phóng dân tộc*, sđd, tr. 56.

24. Jo Ki Joon. *Hoạt động doanh nghiệp của ông Nam Cương Lý Thăng Huân, và Nam Cương Lý Thăng Huân và phong trào giải phóng dân tộc*, sđd, tr. 58.

25. Jo Ki Joon. *Hoạt động doanh nghiệp của ông Nam Cương Lý Thăng Huân, và Nam Cương Lý Thăng Huân và phong trào giải phóng dân tộc*, sđd, tr. 67.

26. Kim Ki Seok. *Nam Cương Lý Thăng Huân*, tr. 72.

quyết định trong cuộc đời Lý Thăng Huân. Cuộc gặp gỡ này đã khiến ông quyết định cống hiến cuộc đời mình cho sự nghiệp khai sáng dân tộc thông qua giáo dục và giành lại độc lập chủ quyền từ chính quyền thực dân Nhật thông qua xây dựng nền kinh tế tự lực tự cường.

Ấn tượng mạnh mẽ với bài diễn thuyết của An Xương Hạo năm 1907, tháng 12 năm đó Lý Thăng Huân đã thành lập trường Ngũ Sơn, cái nôi của phong trào giải phóng dân tộc sau này. Ngoài ra, nhằm mục đích giúp đỡ An Xương Hạo ông đã đứng ra tổ chức và quản lí Tân Dân Hội ở vùng Tây Bắc⁽²⁷⁾. Đặc biệt, nhận thức rõ sự cần thiết của một nền kinh tế tự lực tự cường nhằm mục tiêu thoát khỏi ách thống trị của thực dân Nhật, ông dự định thông qua các hoạt động của Tân Dân Hội nhằm nuôi dưỡng nền thương nghiệp nước nhà. Mục đích sáng lập của Tân Dân Hội “nhằm cải thiện hoặc xóa bỏ những tư tưởng và tập quán thối nát của nước ta, đổi mới nước nhà, cải thiện và đổi mới nền công thương nghiệp bị suy thoái, quy tụ nhân dân, thành lập nên một quốc gia tự do văn minh và tân tiến⁽²⁸⁾”.

Có thể thấy phương pháp Tân Dân Hội lựa chọn để thực hiện công cuộc cứu nước dựa trên việc nuôi dưỡng nền thương nghiệp bản địa và các doanh nghiệp dân tộc, bồi dưỡng nhân tài. Nhằm đối phó với sự xâm lược về mặt kinh tế ngày càng trắng trợn của thực dân Nhật, họ đã thúc đẩy việc nuôi dưỡng nền thương nghiệp dân tộc⁽²⁹⁾. Lý Thăng Huân đã thành lập công ti buôn bán gốm sứ vào năm 1908 trong khuôn khổ hoạt động của Tân Dân Hội, việc thành lập công ti buôn bán gốm sứ này một phần là do ông

đã có kinh nghiệm trong việc kinh doanh đồ đồng thau nhưng nguyên nhân chủ yếu là ông muốn bảo hộ đồ gốm sứ dân tộc trước sự xâm nhập của đồ gốm sứ Nhật Bản. Chúng kiến gốm sứ Triều Tiên từ đồ gốm xanh thời Cao Ly tới gốm trắng thời Chosun luôn sở hữu kĩ thuật chế tác tinh tế khiến cho người Nhật cũng phải thèm muốn, việc thành lập xưởng buôn bán đồ gốm sứ cho thấy tinh thần bảo hộ tư bản dân tộc của ông. Đảo Sơn An Xương Hạo trong bài diễn văn chúc mừng tại lễ thành lập công ti gốm sứ Bình Nhưỡng cũng nhấn mạnh xây dựng nền kinh tế dân tộc là con đường tất để tiến tới giải phóng dân tộc.

Ở đây, chúng ta đã thấy sự thống nhất trong quan điểm của An Xương Hạo và Lý Thăng Huân về việc nuôi dưỡng nền thương nghiệp dân tộc. An Xương Hạo đã phát hiện nguyên nhân khiến đương thời Triều Tiên không thể ngăn chặn sự xâm lược về mặt kinh tế của Nhật Bản là do tư tưởng Nho giáo Tính Lí học của

27. Yoon Gyoung Ro. *Nghiên cứu hoạt động kinh tế của Tân Dân Hội và Nam Cương Lý Thăng Huân, Nam Cương Lý Thăng Huân và phong trào giải phóng dân tộc*, tr. 85-93. Khi xem xét ngày sáng lập Tân Dân Hội là ngày 20/4 dựa trên lời khai của Lý Thăng Huân tại phiên tòa xét xử bắt giam 105 người, Yoon Gyoung Ro cho rằng trên thực tế Lý Thăng Huân đã thành lập hội này 1 tháng trước đó. Ông cũng cho rằng An Xương Hạo đã cố ý tiếp cận Lý Thăng Huân, đại biểu cho những người thất nghiệp tại khu vực Tây Bắc đương thời và tuyển mộ ông này trở thành hội viên của Tân Dân Hội. Sự thật là rất nhiều người sau đó đã gia nhập Tân Dân Hội theo sự giới thiệu của Lý Thăng Huân đã củng cố cho luận điểm này của Yoon Gyoung Ro.

28. Ban biên soạn quốc sử. *Những thanh niên nổi tiếng trong Tân Dân Hội*, trong *Lịch sử phong trào giải phóng dân tộc*, Tài liệu. 1, 1028.

29. Hội nghiên cứu Cơ Đốc giáo Hàn Quốc. *Lịch sử phong trào độc lập Hàn Quốc*, Nxb. Cơ Đốc giáo, Seoul, 1990, tr. 301.

triều đình Chosun đã kìm hãm sự phát triển của công thương nghiệp. Ông tin tưởng giá trị quan của đạo Tin Lành có thể thay thế Tính Lí học ở bán đảo Triều Tiên. Xuất thân là một thương nhân tự do vùng Tây Bắc, bị ấn tượng mạnh mẽ bởi bài diễn thuyết của An Xương Hạo, việc Lý Thăng Huân quyết định cống hiến cuộc đời mình vào công cuộc cải cách giáo dục và nuôi dưỡng thương nghiệp dân tộc chính là do giá trị quan Cơ Đốc giáo của An Xương Hạo đã truyền đạt cho ông.

3.2. Đạo đức kinh tế của Nam Cương Lý Thăng Huân

Yoon Gyeong Ro cho rằng tính chất của phong trào giải phóng dân tộc trong các hoạt động kinh tế của Nam Cương Lý Thăng Huân là do mối tương quan với tình hình lịch sử của thời đại bấy giờ⁽³⁰⁾. Những năm đầu thế kỉ XX chứng kiến một giai đoạn đầy biến động trong lịch sử bán đảo Triều Tiên. Những tranh chấp giữa các thế lực ngoại bang và Phương Tây tranh giành quyền lực chi phối trên bán đảo Triều Tiên từ khi khai sáng đã nâng ý thức bảo vệ dân tộc cho người dân. Đặc biệt, năm 1905, trước nguy cơ mất nước vào tay người Nhật do những bất bình đẳng của hiệp ước Ất Tỵ, phong trào giải phóng dân tộc giành lại chủ quyền đất nước phát triển rộng rãi dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong đó tiêu biểu phải kể đến phong trào khai sáng ái quốc. Phong trào này thông qua các hoạt động như giáo dục lập quốc và thực sản hưng nghiệp nhằm mục tiêu xóa bỏ nguy cơ mất chủ quyền. Một trong những nhân vật tiêu biểu tích cực tham gia phong trào cải cách giáo dục và chấn hưng thương nghiệp thời bấy giờ là Lý

Thăng Huân⁽³¹⁾. Ông là người hoạt động tích cực cống hiến cho phong trào khai sáng ái quốc hơn ai hết. Ông đã dành toàn bộ số của cải tích lũy được vào việc thành lập trường học Ngũ Sơn, nuôi dưỡng thương nghiệp, xây dựng thôn lí tưởng và các hoạt động ái quốc khác. Điều gì đã khiến ông đem toàn bộ số tài sản tích lũy hơn nửa đời người vào những công việc đó? Điều gì đã khiến ông đến tận giây phút cuối cùng của cuộc đời, quyết định trao cơ thể mình cho một người hậu bối là sinh viên y khoa giải phẫu nhằm mục đích cống hiến cho y học? Tư tưởng nền tảng của một Lý Thăng Huân như vậy là gì?

Như đã đề cập, Lý Thăng Huân đã tìm thấy ở đạo Tin Lành lời giải đáp cho những nguy cơ thời đại lúc bấy giờ. Điều này cho thấy rất nhiều trí thức đương thời đặt niềm hi vọng cứu nước vào đạo Tin Lành. Tuy nhiên, Lý Thăng Huân cũng cho thấy những điểm khác biệt với các trí thức khác, những người đã lựa chọn đạo Tin Lành một cách tự phát với hi vọng giành lại chủ quyền dân tộc vào thời Cựu Hàn Mạt. Lee Man Yoel đã phát

30. Yoon Gyeong Ro. *Nghiên cứu hoạt động kinh tế của Nam Cương và Tân Dân Hội*, Quỹ văn hóa Nam Cương (biên tập), *Nam Cương Lý Thăng Huân và phong trào giải phóng dân tộc*, tr. 76.

31. Đặc biệt, trong phạm vi bài viết này, tìm hiểu về đạo đức kinh tế của tín hữu Tin Lành đương thời qua nghiên cứu về các hoạt động của Lý Thăng Huân trong khuôn khổ hoạt động của Tân Dân Hội, không đơn thuần xem xét dưới góc độ là một hoạt động của hội viên Tin Lành thuộc Tân Dân Hội hay là đại diện cho thế lực Tân Dân Hội tại vùng Tây Bắc, mà đó là vì đoàn thể này dựa trên cơ sở tư tưởng của đạo Tin Lành, nỗ lực hoạt động nhằm giải quyết những mâu thuẫn của thời đại. Ngoài ra, còn một lí do không thể bỏ qua là Lý Thăng Huân đóng vai trò lớn trong quá trình tổ chức các hoạt động của Tân Dân Hội tại vùng Tây Bắc.

hiện thời điểm Lý Thăng Huân nảy sinh niềm tin vào đạo Tin Lành là vào khoảng giữa phong trào Đại Phục hội ở Bình Nhưỡng năm 1907 và phong trào truyền bá Phúc Âm tới một triệu người năm 1909. Ông cho rằng, việc Lý Thăng Huân nảy sinh niềm tin vào đạo Tin Lành có liên quan đến tình hình hoạt động của đạo Tin Lành và Hội Thánh lúc bấy giờ⁽³²⁾. Trong hồi kí về Lý Thăng Huân, Kim Ki Seok cho biết Lý Thăng Huân nảy sinh niềm tin vào đạo Tin Lành kể từ khi nghe bài thuyết giảng của Mục sư Han Seok Jin về chủ đề “khổ nạn trên cây Thập tự”⁽³³⁾. Lee Man Yeol đánh giá về sự trải nghiệm dẫn đến đức tin của Lý Thăng Huân như sau:

Trước khi tin vào Chúa Giêsu, Nam Cương chỉ mong muốn mang lại sự thành đạt cho gia tộc thông qua tích lũy của cải, trở nên giàu có, thì nay ông đã hòa chung vào nỗi đau của dân tộc... đồng thời tràn ngập niềm vui với Chúa⁽³⁴⁾.

Sự kiện nảy sinh đức tin càng củng cố niềm tin của Lý Thăng Huân vào việc biến đổi xã hội thông qua đạo Tin Lành. Câu trả lời của ông khi nhận được lời mời gia nhập Tân Cán Hội là một ví dụ tiêu biểu. Khi tái tổ chức Tân Cán Hội thành một đoàn thể yêu nước năm 1927, Lý Thăng Huân đã nói: “Dù làm việc ở Tân Cán Hội hay làm ở đâu thì làm việc dưới ngọn cờ Tin Lành cũng luôn quan trọng. Bởi vì đó là công việc làm thay đổi tấm lòng một con người”⁽³⁵⁾. Ông đã sống đời sống đức tin với đạo Tin Lành một cách triệt để. Đức tin đó cũng ảnh hưởng lớn lao tới các hoạt động kinh tế của ông.

Điểm cần chú ý trong đạo đức kinh tế

học của Lý Thăng Luân chính là *Quan Tây tư môn luận*⁽³⁶⁾. Quan Tây tư môn luận nhằm xây dựng và phát triển nền kinh tế dân tộc tự lực tự cường dưới hệ thống kinh tế thực dân phải hình thành nên tư bản dân tộc mang tính toàn quốc. Tức là để ngăn chặn sự du nhập ô ạt của nguồn tư bản nước ngoài bao gồm cả Nhật Bản và Phương Tây, phải tập trung nguồn tư bản dân tộc đang phân tán nhỏ lẻ. Có nghĩa là tập trung nguồn tư bản tại Quan Tây thành tài phiệt Quan Tây, tại Quan Bắc thành tài phiệt Quan Bắc, tài phiệt Linh Nam, tài phiệt Hồ Nam, v.v... tập trung nguồn tư bản tại các địa phương, xây dựng thành một hệ thống tài phiệt có quan hệ hợp tác chặt chẽ, trên cơ sở đó xây dựng cơ cấu và hạ tầng cơ sở kinh tế tại bán đảo Triều Tiên. Khi xem xét sự phá sản hàng loạt của rất nhiều doanh nghiệp sau năm 1905, ông đã phát hiện nếu không tập trung nguồn tư bản dân tộc, không thể hình thành nền kinh tế tự lực tự cường dưới sự thống trị của thực dân Nhật. Ông tin tưởng xây dựng cơ sở kinh tế với sự kết hợp và hợp tác chặt chẽ theo hình thức phân công của tư bản dân tộc theo từng địa phương, cạnh tranh với các doanh nghiệp của đế quốc thực dân nước ngoài, mới có thể vừa nuôi dưỡng nền công thương nghiệp trong nước, vừa không

32. Lee Man Yeol. *Tín ngưỡng của Nam Cương Lý Thăng Huân*, sđd, tr. 304.

33. Kim Ki Seok. *Nam Cương Lý Thăng Huân*, tr. 300.

34. Lee Man Yeol. *Tín ngưỡng của Nam Cương Lý Thăng Huân*, sđd, tr. 306.

35. Lee Chan Gad. *Tín ngưỡng Nam Cương, con người Nam Cương*, trong *Đời sống mới với niềm tin*, Nxb Văn hóa Nông thôn, Seoul, 1983, tr. 232.

36. Yoon Gyeoung Ro. *Nghiên cứu về Tân Dân Hội và sự kiện 105 người*, Nxb. Ulji, Seoul, 1990, tr. 278.

trở thành môi ngon cho tư bản nước ngoài⁽³⁷⁾. Trong tình hình những nhà kinh doanh quy mô lớn ở Triều Tiên đương thời dùng hình thức vượn vôi bạch tuộc nhằm độc chiếm thị trường bán đảo Triều Tiên, *Quan Tây tư môn luận* của Lý Thăng Huân hoàn toàn đối lập với tư tưởng kinh doanh thời bấy giờ. Điều gì đã khiến ông có một cái nhìn toàn cảnh và bao trùm toàn bộ nền kinh tế, khác hẳn với các thương nhân đương thời? Trên thực tế, rất khó có thể tìm ra lời giải đáp cho câu hỏi này. Tuy nhiên, sau này khi xem xét đến suy nghĩ của Lý Thăng Huân khi cho rằng Chúa Trời đã lên kế hoạch để ông tham gia vào phong trào giải phóng dân tộc thông qua các hoạt động như giáo dục lập quốc và thực sản thương nghiệp⁽³⁸⁾, có thể nhận thấy đạo Tin Lành đã khiến ông giác ngộ và hiến tài sản cá nhân cho công ích.

Việc hiến tài sản cá nhân cho công ích đã giúp ông nhận thức được mặt xã hội và công ích của doanh nghiệp đem lợi nhuận thu được từ việc kinh doanh đầu tư vào các hoạt động yêu nước. Mục tiêu của việc kinh doanh là mang lại lợi nhuận, nhưng Lý Thăng Huân đem lợi ích đó không phải cho bản thân mà là vì cộng đồng. Rất có thể ông nhận thức được lợi nhuận thu được không thuộc về cá nhân mà thuộc về toàn thể cộng đồng. Nhận thức về tài sản công cũng được phản ánh rõ nét trong ý tưởng của ông về thôn lí tưởng⁽³⁹⁾. Ông chủ trương thành lập nên ruộng công, xóa bỏ khoảng cách giàu nghèo, xây dựng cộng đồng thành thật làm việc chăm chỉ, xây dựng Tự Mẫn Hội, một tuần một lần tập hợp thảo luận về các công việc chung của làng xã, vật phẩm làm ra được coi là của cải chung⁽⁴⁰⁾.

Qua những điều trên chúng ta có thể hình dung đạo đức kinh tế của Lý Thăng Huân được hình thành trên nền tảng giá trị quan Tin Lành. Đó là tư tưởng chủ đạo của đạo Tin Lành. Tư tưởng chủ đạo này bắt nguồn từ đâu? Cần phải tìm kiếm điều này dựa trên bối cảnh thời đại của Lý Thăng Huân. Như Park Yong Gyu đã chỉ ra “phong trào Phục hồi Đức tin ở Bình Nhưỡng đã kéo theo một loạt những cải cách mang tính toàn diện, nâng cao hơn một bậc sinh hoạt tín ngưỡng của người dân Hàn Quốc”⁽⁴¹⁾. Đặc biệt, tư tưởng bình đẳng trong giáo dục và bình đẳng giới là một trong những yếu tố mà phong trào này có ảnh hưởng mạnh đến quá trình cải cách xã hội Hàn Quốc, tư tưởng bình đẳng này được phản ánh rõ nét trong các hoạt động như thành lập trường Ngũ Sơn, xây dựng thôn lí tưởng cũng như trong các nguyên lí kinh doanh của Lý Thăng Huân⁽⁴²⁾. Đặc

37. Jo Ki Joon. *Hoạt động doanh nghiệp của ông Nam Cương Lý Thăng Huân*, tr. 73.

38. Kim Ki Seok. *Nam Cương Lý Thăng Huân*, tr. 83.

39. Về hoạt động của Lý Thăng Huân liên quan đến thôn lí tưởng, xin tham khảo Seo Gwang Il, *Nam Cương Lý Thăng Huân và các phong trào cải cách xã hội những năm 1920*, Quỹ văn hoá Nam Cương (biên tập), *Nam Cương Lý Thăng Huân và phong trào giải phóng dân tộc*, Nxb. Quỹ văn hoá Nam Cương, Seoul, 1988, tr. 243, 282-287.

40. Kim Ki Seok. *Nam Cương Lý Thăng Huân*, tr. 281-287.

41. Park Yong Gyu. *Lịch sử Hội Thánh Tin Lành Hàn Quốc*, tr. 963.

42. Thực tế, không thể cho rằng vì có điểm tương đồng nên nhất định có ảnh hưởng lẫn nhau. Tuy nhiên, càng tiếp nhận tư tưởng của đạo Tin Lành, tư tưởng của Lý Thăng Huân càng trở nên sâu sắc. Do đó không thể nói rằng không có khả năng ảnh hưởng. Không chỉ thế, khi nghiên cứu các điều kiện của thôn lí tưởng như điểm danh đi lễ giống như nhà thờ, hay cấm rượu, cấm thuốc, có thể thấy những điểm tương đồng rõ rệt đối với tình hình sinh hoạt tại nhà thờ giai đoạn này.

biệt, tư tưởng bình đẳng giữa người với người phản ánh rõ nét nhất trong nguyên lí kinh doanh của ông. Ông cho rằng, không thể miệt thị bất kì công nhân nào, bóc lột sức lao động của họ, để họ làm việc trong môi trường tệ hại, cho dù địa vị của người đó có thấp kém đến đâu.

4. Kết luận

Thứ nhất, trong quá trình tiếp nhận đạo Tin Lành, những đặc trưng giai tầng và đặc trưng khu vực của vùng Tây Bắc đã có ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của đạo Tin Lành tại khu vực này. Nếu luận điểm này là đúng, hoàn toàn có khả năng đánh giá phong trào Phục hồi Đức tin dựa trên quan điểm đạo đức kinh tế. Như phần 2 của bài viết đã đề cập, trong bối cảnh chế độ quý tộc suy thoái nhanh chóng tại vùng Tây Bắc vào cuối thế kỉ XIX, giai cấp trung lưu tự do xuất hiện nhưng là một giai cấp mới trong xã hội. Giai cấp mới này đã cảm nhận được sự tan vỡ của cấu trúc xã hội cũ và ôm ấp hi vọng xây dựng một cấu trúc xã hội cận hiện đại mới. Họ đã tìm thấy lời giải đáp ở tư tưởng bình đẳng bác ái của đạo Tin Lành. Điều này là một yếu tố khiến cho khu vực Tây Bắc, trong thời kì Cựu Hàn Mạt, tiếp nhận đạo Tin Lành nhanh chóng hơn hẳn so với các khu vực khác.

Nam Cương Lý Thăng Huân là một nhân vật tiêu biểu dựa trên những đặc trưng giai cấp và đặc trưng khu vực như vậy đã tiếp nhận đạo Tin Lành một cách tự phát. Không chỉ có vậy, ông còn là một nhân vật tiêu biểu cho tầng lớp thương nhân theo đạo Tin Lành, trong bối cảnh vận nước lâm nguy, đã tích cực

hoạt động trong phong trào giải phóng dân tộc. Điều thú vị là năm 1907 tại Bình Nhưỡng, đã diễn ra sự kiện làm thay đổi toàn bộ cuộc đời của Nam Cương Lý Thăng Huân. Cuộc gặp gỡ với Đào Sơn An Xương Hạo đã giúp ông tìm ra ở đạo Tin Lành tư tưởng thời đại có thể thay thế cho Nho giáo đang suy tàn. Một điều không thể bỏ qua ở đây là, với đặc trưng giai cấp xuất thân từ tầng lớp trung lưu tự do tại vùng Tây Bắc, ông có điều kiện tiếp xúc với tư tưởng Tin Lành từ trước khi ông có đức tin. Ông đã tìm thấy lời giải đáp cho thời cuộc phong trào phục hồi luân lí và đạo đức của tín đồ Tin Lành, kết quả của phong trào Phục hồi Đức tin tại Bình Nhưỡng năm 1907. Không những thế, như đã đề cập ở phần 3, những hoạt động tích cực của nhà thờ và Hội Thánh trong giai đoạn từ năm 1907 đến 1909 đã có ảnh hưởng tới việc nảy sinh đức tin trong ông, đồng thời Lý Thăng Huân đã phát triển thêm một bước, thúc đẩy việc nuôi dưỡng nền công nghiệp dân tộc trên cơ sở tư tưởng của đạo Tin Lành. Lee Man Yoel đã đánh giá ảnh hưởng của đạo Tin Lành đối với cuộc đời của ông như sau: “Tuy nhiên, hơn tất cả, chính Cơ Đốc giáo đã tạo nên một Nam Cương ở giai đoạn nửa sau cuộc đời ông. Ông đã phủ định bản ngã, sống bằng niềm tin, vâng theo Chúa Giêsu, trải nghiệm khổ nạn trên cơ sở niềm tin Cơ Đốc giáo, trở thành người mở đường cho phong trào giải phóng dân tộc⁽⁴³⁾.”

Niềm tin Cơ Đốc giáo, đặc biệt là bài giảng “Khổ nạn trên cây Thập tự”, nguyên nhân trực tiếp làm nảy sinh đức

43. Lee Man Yoel. *Tín ngưỡng của Nam Cương Lý Thăng Huân*, tr. 334.

tin trong ông, rất có thể ám chỉ tình hình xã hội của Hàn Quốc lúc đó và con đường mà ông phải đi. Sự kiện nảy sinh Đức tin của Lý Thăng Huân có một ý nghĩa quan trọng trong việc tìm hiểu tư tưởng đạo đức kinh tế của ông.

Lí do để bài nghiên cứu này nghiên cứu Phong trào Phục hồi đức tin dựa trên quan điểm đạo đức kinh tế của Nam Cương Lý Thăng Huân như sau. *Thứ nhất*, ở Lý Thăng Huân có những đặc trưng giai cấp và đặc trưng khu vực của tầng lớp trung lưu tự do để tiếp nhận một cách tự phát đạo Tin Lành vào thời kì đầu. *Thứ hai*, cuộc gặp gỡ với Đào Sơn An Xương Hạo tại Bình Nhưỡng, nơi diễn ra phong trào Phục hồi Đức tin năm 1907, càng củng cố niềm tin của ông vào thế giới quan Cơ Đốc giáo có thể khôi phục chủ quyền dân tộc đã mất. Tất nhiên, vẫn còn nhiều tranh cãi xung quanh việc liệu sự kiện này có ảnh hưởng trực tiếp đến phong trào Phục hồi Đức tin tại Bình Nhưỡng hay không, nhưng có thể nói, việc nảy sinh đức tin trong ông vào năm 1909 càng thể hiện rõ hơn mối tương quan này. *Thứ ba*, thông qua sự giác ngộ đức tin và đạo đức do

phong trào Phục hồi Đức tin mang lại, đạo Tin Lành đã mang đến cho tầng lớp trung lưu tự do ở vùng Tây Bắc, những người luôn lo lắng cho vận mệnh dân tộc như Lý Thăng Huân, tư tưởng chủ đạo của đạo Tin Lành, đó là tư tưởng về tính cộng đồng và sở hữu công. Lý Thăng Huân từ năm 1907 cho đến khi qua đời đều sống vì sự nghiệp truyền bá Phúc Âm cũng như sự nghiệp giải phóng dân tộc. Thông qua cuộc đời của ông, người viết đã nghiên cứu những ảnh hưởng của phong trào Phục hồi Đức tin đương thời đối với những người luôn lo lắng cho vận mệnh dân tộc như từ góc độ kinh tế. Người viết cho rằng, thông qua quá trình phát triển tính cộng đồng của Lý Thăng Huân từ chỗ chăm lo cho gia tộc, tới khu vực, và cuối cùng là cả dân tộc, có thể thấy được những người lo lắng cho thời cuộc đã phát hiện ra giá trị quan trọng của đạo Tin Lành, đó là tư tưởng chủ đạo về tính cộng đồng, hay cống hiến lợi ích cá nhân cho lợi ích của cộng đồng. Tư tưởng chủ đạo mang tính Cơ Đốc giáo của Nam Cương Lý Thăng Huân là hình mẫu không chỉ cho thời đại của ông mà còn cho cả thời đại như hiện nay./.